

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-ST
Ngày: 21 – 11 – 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khanh.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2019/TLST-DS, ngày 30 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2019/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2019/QĐST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nhâm Thị L, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 87A, ấp A, Thị trấn K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Quốc D, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 413/5, ấp P, xã A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Nơi công tác: Trường Tiểu học A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019, Biên nhận ngày 30/7/2019 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nhâm Thị L trình bày:***

Ngày 30/7/2019, ông Châu Quốc D có làm biên nhận mượn của bà 45.000.000 đồng, bà đòi nhiều lần, ông D hứa hoài không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông D trả số tiền vốn 45.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,666%/tháng ($\Leftrightarrow$ 20%/năm) tính từ ngày 30/7/2019. Tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện 02 tháng, thành tiền 1.499.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Châu Quốc D vắng mặt đến lần thứ hai, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[2] Theo biên nhận ngày 30/7/2019 của nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: *Tôi tên Châu Quốc D, địa chỉ xã A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Tôi có mượn của cô Nhâm Thị L số tiền 45.000.000 đồng. Tôi xin hứa sẽ trả cho cô Lý đầy đủ, nếu không tôi xin chịu trách nhiệm trước tập thể trường tôi công tác, và chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào biên nhận mượn tiền nêu trên, có căn cứ xác định bị đơn có mượn của nguyên đơn 45.000.000 đồng, không có thời hạn và không có thỏa thuận lãi, đến nay bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

[5] Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.*

[6] Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

[7] Căn cứ vào các quy định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất 10%/năm, **thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 26/9/2019), tiền lãi được tính như sau:**

Thời gian tính lãi: 01 tháng 25 ngày (từ ngày 26/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/11/2019).

Mức lãi suất 10%/năm ($\Leftrightarrow 0,833\%/tháng$).

Thành tiền: 45.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 01 tháng 25 ngày = 687.100 đồng.

[8] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 30/7/2019, theo mức lãi suất 20%/năm ($\Leftrightarrow 1,666\%/tháng$), cụ thể số tiền lãi:

45.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 03 tháng 21 ngày = 2.773.890 đồng.

Xét thấy: Nguyên đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận khi cho vay là 20%/năm, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, ngược lại, theo nội dung biên nhận ngày 30/7/2019 thể hiện đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định nêu trên của Bộ luật Dân sự năm 2015, chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi với số tiền **687.100 đồng** theo như đoạn [7] nêu trên, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với số tiền: 2.773.890 đồng - **687.100 đồng = 2.086.790 đồng.**

[9] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; **Khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nhâm Thị L, buộc ông Châu Quốc D phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền vốn và lãi 45.687.100 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể như sau:

- Buộc bị đơn ông D phải chịu 2.284.000 đồng (đã làm tròn số).
- Buộc nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 93, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nhâm Thị L, buộc ông Châu Quốc D phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền 45.687.100 đồng, trong đó tiền vốn 45.000.000 đồng và tiền lãi 687.100 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Nhâm Thị L với số tiền **2.086.790 đồng.**

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Châu Quốc D phải chịu 2.284.000 đồng.

- Buộc bà Nhâm Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 1.125.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000915, ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã nộp xong án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng thừa 825.000 đồng.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng